

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH

Bình Định, ngày tháng năm 2023

V/v báo cáo một số chỉ tiêu ngoại
bảng cân đối kế toán năm 2022 tại
doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo
Thông tư số 36/2021/TT-BTC
ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Quyết định số 1405/QĐ-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính về việc công bố danh mục báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; trên cơ sở kết quả rà soát, tổng hợp của các đơn vị có liên quan, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán năm 2022 tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Số lượng doanh nghiệp thực hiện báo cáo gồm:

a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

- Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định;
- Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định;
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn;
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh;
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn.

b) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

- Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định;
- Công ty cổ phần Môi trường Bình Định;
- Công ty cổ phần Công viên cây xanh và chiếu sáng đô thị Quy Nhơn.

c) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ:

- Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định;
- Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.

2. Báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán tại doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo chi tiết về một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán năm 2022 của các doanh nghiệp:

- Báo cáo tổng hợp của Sở Tài chính về một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của 10 doanh nghiệp: *Theo phụ lục đính kèm;*

- Báo cáo của 05 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và 05 Người đại diện phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn Nhà nước: *Theo 10 báo cáo đính kèm.*

Trên đây là báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán năm 2022 tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG
KỶ BÁO CÁO: NĂM 2022
CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CSH: UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Công văn số /STC-DNTH ngày /4/2023 của Sở Tài chính)

STT	Đơn vị	1. Nợ phải thu khó đòi						2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước					
		Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		Tổng		Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		Tổng	
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
I	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ												
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định		7.387.200	0	920.000.000	3.523.816.076	2.611.203.276	0	0	0	0	0	0
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn	0	0	0	0	0	0	932.452.000	2.065.365.000	0	0	932.452.000	2.065.365.000
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	0	0	15.000.000.000	16.032.279.400	5.000.000.000	4.000.000.000	20.000.000.000	20.032.279.400
II	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ												
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	28.482.977	356.370.417	0	0	319.277.618	675.648.035	2.170.364.000	1.959.151.000	0	0	2.170.364.000	1.959.151.000
2	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	0	0	0	0	0	0	149.406.000	149.406.000	0	0	149.406.000	149.406.000
3	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	0	809.802.000	0	329.479.000	1.139.788.000	1.620.111.000	0	0	0	0	0	0
III	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ												
1	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	29.880.297.947	15.703.636.658	0	0	91.950.060.250	107.653.696.908	16.000.000.000	16.000.000.000	5.029.471.060	0	21.029.471.060	16.000.000.000
2	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	29.908.780.924	16.877.196.275	0	1.249.479.000	96.932.941.944	112.560.659.219	34.252.222.000	36.206.201.400	10.029.471.060	4.000.000.000	44.281.693.060	40.206.201.400

STT	Đơn vị	3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài						4. Vay và nợ dài hạn trong nước									
		Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		Tổng		Vay dài hạn các NHTM, TCTD		Phát hành TP (không bao gồm TP chuyển đổi)		Thuế tài chính dài hạn trong nước		Các khoản vay dài hạn trong nước khác		Tổng	
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
I	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ																
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Công ty TNHH Xô số kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	0	0	0	0	4.499.365.000	3.433.000.000	0	0	0	0	0	0	4.499.365.000	3.433.000.000
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	0	0	8.250.000.000	13.210.000.000	0	0	0	0	0	0	8.250.000.000	13.210.000.000
II	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ																
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	14.661.186.000	14.661.186.000	0	0	14.661.186.000	14.661.186.000	29.972.213.000	30.153.477.000	0	0	0	0	0	0	29.972.213.000	30.153.477.000
2	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	0	0	0	0	0	0	6.977.536.000	6.828.130.000	0	0	0	0	0	0	6.977.536.000	6.828.130.000
3	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ																
1	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	76.000.000.000	60.000.000.000	76.000.000.000	60.000.000.000
2	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	14.661.186.000	14.661.186.000	0	0	14.661.186.000	14.661.186.000	49.699.114.000	53.624.607.000	0	0	0	0	76.000.000.000	60.000.000.000	125.699.114.000	113.624.607.000

STT	Đơn vị	5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài												6. Vốn điều lệ	
		Vay lại vốn ODA của Chính phủ		Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		Phát hành TP (không bao gồm TP chuyển đổi)		Các khoản vay nước ngoài còn lại		Tổng			
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
I	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ														
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	435.588.000.000	435.588.000.000
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	74.500.000.000	74.500.000.000
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	47.850.000.000	47.850.000.000
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	42.225.000.000	42.225.000.000
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	46.828.000.000	46.828.000.000
II	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ														
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	48.961.518.321	34.300.332.321	0	0	0	0	0	0	0	0	48.961.518.321	34.300.332.321	124.108.000.000	124.108.000.000
2	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	34.271.000.000	34.271.000.000
3	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15.171.000.000	15.171.000.000
III	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ														
1	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	576.124.440.000	748.835.590.000
2	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	123.926.300.000	123.926.300.000
	Tổng cộng	48.961.518.321	34.300.332.321	0	0	0	0	0	0	0	0	48.961.518.321	34.300.332.321	1.520.591.740.000	1.693.302.890.000

STT	Đơn vị	7. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN năm trước chuyển sang		8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN							
				Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		Lợi nhuận/ cơ tức phát sinh phải nộp NSNN		Tổng	
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
I	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ										
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	594.234.477	345.036.437	969.818.264	1.807.752.715	0	0	0	0	969.818.264	1.807.752.715
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	43.365.372.732	16.865.897.478	100.594.117.924	124.813.927.029	0	0	24.221.654.183	19.705.398.323	124.815.772.107	144.519.325.352
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	-10.348.071	162.820.763	230.676.444	466.987.601	0	0	0	0	230.676.444	466.987.601
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	1.257.456.762	669.349.821	1.650.674.459	2.086.820.449	0	0	3.979.303.805	2.975.719.061	5.629.978.264	5.062.539.510
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	226.712.345	-100.943.244	1.134.854.829	1.098.055.820	0	0	1.482.084.729	1.588.829.425	2.616.939.558	2.686.885.245
II	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ										
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	1.207.563.141	1.221.641.952	19.032.296.703	26.015.429.356	0	0	3.797.704.800	4.747.131.000	22.830.001.503	30.762.560.356
2	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	-274.200.264	-1.047.785.925	10.371.112.481	8.690.571.676	0	0	0	0	10.371.112.481	8.690.571.676
3	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	3.119.917.729	244.138.743	3.381.303.136	3.447.024.851	0	0	0	0	3.381.303.136	3.447.024.851
III	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ										
1	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	17.712.666.668	12.710.657.063	73.554.093.133	79.161.268.048	12.206.327.604	24.247.699.036	0	0	85.760.420.737	103.408.967.084
2	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	4.394.587.806	-114.335.409	13.659.602.379	14.620.243.004	21.205.863.474	9.702.533.486	0	0	34.865.465.853	24.322.776.490
	Tổng cộng	71.593.963.325	30.956.477.679	224.578.549.752	262.208.080.549	33.412.191.078	33.950.232.522	33.480.747.517	29.017.077.809	291.471.488.347	325.175.390.880

STT	Đơn vị	9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN				10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	
		Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		Tổng			
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
I	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ						
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	1.219.016.304	1.355.940.414	345.036.437	796.848.738
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	45.359.431.935	22.821.281.183	151.315.247.361	145.963.013.733	16.865.897.478	15.422.209.097
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	58.007.610	437.019.466	162.820.763	192.788.898
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	4.261.305.617	2.779.303.805	6.218.085.205	4.333.832.155	669.349.821	1.398.057.176
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	1.950.000.000	1.350.000.000	2.944.595.147	2.445.486.352	-100.943.244	140.455.649
II	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ						
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	3.797.704.800	4.747.131.000	22.815.922.692	30.381.589.676	1.221.641.952	1.602.612.632
2	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	0	0	11.144.698.142	8.585.215.951	-1.047.785.925	-942.430.200
3	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	309.491.600	464.237.400	6.257.082.122	1.158.697.086	244.138.743	2.532.466.508
III	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ						
1	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	0	0	90.762.430.342	104.658.844.897	12.710.657.063	11.460.779.250
2	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0	39.374.389.068	22.016.375.435	-114.335.409	2.192.065.646
	Tổng cộng	55.677.933.952	32.161.953.388	332.109.473.993	321.336.015.165	30.956.477.679	34.795.853.394